Biểu mẫu 18

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 - 2020

(Tính đến 25 tháng 6 năm 2020)

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Loại Trung bình	
	Tổng số						
1	Khối ngành I						
I	**ĐH chính quy**						
	Giáo dục Chính trị	1 (K44)	0%	0%	0%	100%	**60%**
		6 (K47)	0%	0%	17%	83%	
		20 (K48)	0%	5%	25%	70%	
		81 (K49)	0%	14%	63%	23%	
	Giáo dục Mầm non	2 (K46)	0%	0%	0%	100%	**91%**
		14 (K47)	0%	0%	7%	93%	
		13 (K48)	0%	8%	38%	54%	
		135 (K49)	2%	17%	60%	21%	
	Giáo dục Thể chất	2 (K46)	0%	0%	0%	100%	**89%**
		20 (K47)	0%	0%	10%	90%	
		26 (K48)	0%	0%	46%	54%	

		25 (K49)	0%	4%	68%	28%	
	Giáo dục Thể chất - Quốc phòng	3 (K46)	0%	0%	33%	67%	**83%**
		5 (K47)	0%	0%	40%	60%	
		20 (K48)	0%	0%	80%	20%	
	Giáo dục Tiểu học	1 (K46)	0%	0%	100%	0%	**88%**
		4 (K47)	0%	0%	25%	75%	
		16 (K48)	0%	0%	56%	44%	
		196 (K49)	4%	29%	55%	13%	
	SP Tâm lý - Giáo dục	1 (K46)	0%	0%	0%	100%	**91%**
		1 (K47)	0%	0%	0%	100%	
		5(K48)	0%	0%	40%	60%	
		19 (K49)	0%	5%	74%	21%	
	Sư phạm Âm nhạc	2 (K47)	0%	0%	100%	0%	**100%**
		5 (K48)	0%	0%	100%	0%	
	Sư phạm Địa lý	1 (K46)	0%	0%	0%	100%	**79%**
		18 (K48)	0%	0%	33%	67%	
		109 (K49)	0%	22%	72%	6%	
	Sư phạm Hoá học	2 (K47)	0%	0%	100%	0%	**96%**
		24 (K48)	0%	0%	46%	54%	
		80 (K49)	0%	19%	73%	9%	
	Sư phạm Lịch sử	12 (K47)	0%	0%	0%	100%	**71%**
		20 (K48)	0%	5%	60%	35%	
		86 (K49)	0%	19%	67%	14%	
	Sư phạm Mỹ thuật	2 (K46)	0%	0%	0%	100%	**100%**
		2 (K48)	0%	0%	100%	0%	

	Sư phạm Ngữ văn	1 (K46)	0%	0%	100%	0%	
		21 (K47	0%	0%	19%	81%	
		31 (K48)	0%	0%	55%	45%	
		178 (K49)	2%	15%	67%	16%	
	Sư phạm Văn - Địa	4 (K46)	0%	25%	50%	25%	94%
		3 (K47)	0%	0%	33%	67%	
		3 (K48)	0%	0%	33%	67%	
	Sư phạm Văn - Sử	3 (k47)	0%	0%	0%	100%	
	Sư phạm Ngữ văn Chất lượng cao	2 (K47)	0%	0%	100%	0%	
		4 (K48)	0%	25%	50%	25%	
	Sư phạm Sinh - Hoá	1(K47)	0%	0%	0%	100%	
		3 (K48)	0%	0%	33%	67%	
	Sư phạm Sinh - Kĩ thuật nông nghiệp	13 (K48)	0%	0%	46%	54%	
	Sư phạm Sinh học	1 (K45)	0%	0%	0%	100%	
		4 (K46)	0%	0%	0%	100%	91%
		11 (K47)	0%	0%	18%	82%	
		18 (K48)	0%	0%	44%	56%	
		42 (K49)	0%	26%	74%	0%	
	Sư phạm Sinh học chất lượng cao	5 (K48)	0%	20%	80%	0%	
	Sư phạm Tiếng Anh	30 (K49)	0%	23%	73%	3%	100%
	Sư phạm Tin học	3 (K48)	0%	0%	0%	100%	92%
		33 (K49)	0%	6%	64%	30%	
	Sư phạm Toán - Lý	1 (K47)	0%	0%	0%	100%	
	Sư phạm Toán học	2 (K45)	0%	0%	0%	100%	
		3 (K46)	0%	0%	0%	100%	96%
		20 (K47)	0%	0%	0%	100%	
		71 (K48)	0%	1%	32%	66%	
		146 (K49)	1%	12%	71%	15%	

	Sư phạm Vật lý	6 (K47)	0%	0%	17%	83%	93%
		29 (K48)	0%	0%	45%	55%	
		80 (K49)	0%	16%	64%	20%	

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi)*100

Ghi chú: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)* tính đến ngày 19/12/2019

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU	KT. TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV PHÓ TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
ThS. Nguyễn Thanh Nga	TS. Dương Ngọc Toàn	PGS.TS. Mai Xuân Trường